

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH GIA LAI**

Bản án số: 14/2020/HSST
Ngày 08 tháng 05 năm 2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ - TỈNH GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà **Nguyễn Thị Kim Thoa**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

+ **Ông Lê Đình Hưng**

Công tác tại Hội Khuyến học huyện Đ, tỉnh Gia Lai

+ **Ông Nguyễn Văn Diệp**

Công tác tại : Đoàn thanh niên TT Chư Ty huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

- *Thư ký phiên toà:* Bà **Phạm Thị Thúy** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà:*
Ông Nguyễn Thanh Diệp - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 08 tháng 05 năm 2020, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 03/2020/HSST ngày 16 tháng 01 năm 2020, quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/ QĐXX-HSST ngày 25 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo

Nguyễn Đức N - Tên gọi khác : Không.

Sinh ngày 04/7/2002 tại huyện Đ, tỉnh Gia Lai

NĐKKHTT: Xóm 10A, xã Quỳnh C, huyện Quỳnh L, tỉnh Nghệ An.

Chỗ ở hiện nay: Thôn Ia M, xã Ia D, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Nghề nghiệp: Làm nông. Trình độ học vấn: 9/12 Dân tộc: Kinh

Giới tính: N Tôn giáo: Không Quốc tịch: Việt N.

Con ông Nguyễn Đức H, con bà Trần Thị Đ. Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, Tiền sự: Không . Bị cáo tại ngoại đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “ Cấm đi khỏi nơi cư trú ” . Có mặt.

- *Người bị hại:* Anh Nguyễn Viết C, sinh năm 2001

Địa chỉ: Thôn Ia N, xã Ia N, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

- *Đại diện hợp pháp của bị cáo và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1977. Có mặt

Địa chỉ: Thôn Ia M, xã Ia D, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Bà Nguyễn Hoàng Kim Loan-Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Gia Lai. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 22 giờ ngày 13/9/2019, Nguyễn Đức N đến nhà bà Lê Thị L để ăn nhậu cùng với đoàn múa lân gồm có Nguyễn Viết C, Hoàng Đức A, Mai Sỹ Phi H và Trần Quang T, Nguyễn Khả D, Nguyễn Trung H và Phạm Anh Đ. Khi mọi người đang nhậu thì C, D, A, Đ và N đi vào phòng của Nguyễn Duy T (con bà L) để ngủ. Khi vào phòng, thấy C để chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple Iphone 6s, màu hồng dưới đất để sạc pin và lên giường ngủ, N đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại này. Lợi dụng lúc không ai để ý N lấy điện thoại bỏ vào túi quần sau đó xin đi nhờ xe của H và T về nhà ngủ. Đến ngày 17/9/2019 thì bị C phát hiện và trình báo Công an xã. Ngày 28/10/2019 Nguyễn Đức N đến Cơ quan Công an huyện Đ, tỉnh Gia Lai đầu thú.

Quá trình điều tra, Nguyễn Đức N đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp chiếc điện thoại của anh Nguyễn Viết C.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 49 ngày 09/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đ, kết luận: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple, số loại Iphone 6s, màu hồng, đã qua sử dụng. Tỷ lệ phần trăm còn lại là 80%, giá trị định giá là **5.600.000đ** (Năm triệu sáu trăm ngàn đồng).

Tại Bản cáo trạng số:05/CT-VKS ngày 15 tháng 01 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Nguyễn Đức N về tội " Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Viện kiểm sát giữ nguyên cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức N về tội " Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có

-Về tình tiết giảm nhẹ: Có những tình tiết giảm nhẹ tại điểm b,i,s khoản 1 Điều 51 BLHS là “ Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”; quá trình điều tra và tại phiên tòa đã “ Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải ”; “ Tự nguyện sửa chữa, bồi thường khắc phục thiệt hại ”. Có những tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 BLHS là tại thời điểm phạm tội là người chưa thành niên; tự nguyện đến cơ quan công an đầu thú; tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi trả cho người bị hại; được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt.

- Nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 50; điểm b,i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65, 90,91,98,101 của Bộ luật Hình sự 2015: Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức N từ 6-9 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12-18 tháng

**Về trách nhiệm dân sự:*

- Anh Nguyễn Viết C sau khi nhận lại chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple, số loại Iphone 6s, màu hồng đã được bị cáo khắc phục sửa chữa, anh C không yêu cầu gì, nên không đề nghị HĐXX xem xét.

- Bà Trần Thị Đ đã đưa cho bị cáo 2.400.000đ để sửa chữa chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple, số loại Iphone 6s, của anh Nguyễn Viết C do bị cáo sử dụng làm hư, bà Đ không yêu cầu bị cáo trả lại, nên không đề nghị HĐXX xem xét.

**Về xử lý vật chứng:* Cơ quan điều tra xác định chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple, số loại Iphone 6s, màu hồng đã qua sử dụng là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Viết C, nên đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả cho anh C là phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

** Về án phí:* Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

** Người bào chữa trình bày luận cứ bào chữa cho bị cáo:*

-Về tội danh: Nhất trí với quan điểm của VKSND huyện Đ truy tố bị cáo Nguyễn Đức N về tội “ Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

-Về lượng hình: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự,

+Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo: Nhất trí như quan điểm của Viện kiểm sát.

+Về hình phạt: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 50; điểm b,i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65,98,101 của Bộ luật Hình sự 2015 cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất theo đề nghị của Viện kiểm sát

+ Về án phí: Nhất trí như đề nghị của Viện kiểm sát

Tại phiên tòa bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì đối với kết luận định giá tài sản, quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, luận tội của Kiểm sát viên và ý kiến của người bào chữa. Trong lời nói cuối cùng, bị cáo xin được xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp

[2]Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Khoảng 22 giờ ngày 13/9/2019, Nguyễn Đức N đến nhà bà Lê Thị L ở tại Tổ dân phố 6, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai để ăn nhậu cùng với đoàn múa lân gồm Nguyễn Viết C, Hoàng Đức A, Mai Sỹ Phi H và Trần Quang T cùng trú tại xã Ia N, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; Nguyễn Khả D, Nguyễn Trung H cùng trú tại xã Ia D, huyện Đ, tỉnh Gia Lai và Phạm Anh Đ trú tại thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Khi mọi người còn đang nhậu, thì C cùng D, A, Đ vào phòng của Nguyễn Duy T là

con trai của bà L để ngủ thì Nguyễn Đức N cũng đi vào phòng này. Khi vào trong phòng, N nhìn thấy chiếc điện thoại của anh C đang sạc pin, N đã nảy sinh ý định chiếm đoạt nên N đã lấy trộm chiếc điện thoại này bỏ trong túi quần và đi ra phòng khách nhậu tiếp. Đến khoảng 0 giờ ngày 14/9/2019, N xin đi nhờ xe của H và T về nhà tại thôn Ia M, xã Ia D, huyện Đ để ngủ. Sau đó N sử dụng chiếc điện thoại này cho đến ngày 17/9/2019 thì bị anh C phát hiện và trình báo Công an xã. Ngày 28/10/2019 Nguyễn Đức N đến Cơ quan Công an huyện Đ, tỉnh Gia Lai đầu thú.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Đức N đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp chiếc điện thoại của anh C như nêu trên.

[3] Xét thấy, tại bản Kết luận định giá ngày 09/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ, tỉnh Gia Lai thì chiếc điện thoại bị cáo chiếm đoạt của anh C có trị **5.600.000đ** (Năm triệu sáu trăm ngàn đồng) đã đủ định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo; Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm bất hợp pháp đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; Tại thời điểm phạm tội, bị cáo là người đủ năng lực trách nhiệm hình sự và thực hiện tội phạm với lỗi cố ý, cần phải xử lý nghiêm khắc để răn đe. Do đó, VKSND huyện Đ đã ra Cáo trạng số 05/CT- VKS ngày 15/01/2020 truy tố bị cáo theo tội danh, điều luật nêu trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Xét thấy lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, HĐXX có đủ căn cứ kết luận bị cáo Nguyễn Đức N đã phạm tội “ Trộm cắp tài sản ” qui định tại khoản 1 Điều 173 BLHS 2015

Tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

.....
[5] Xét thấy bị cáo thanh niên có đầy đủ sức khỏe, nhận thức nhưng không chịu tu dưỡng bản thân mình, không chịu lao động làm ăn chính đáng mà lợi dụng sơ hở để chiếm đoạt tài sản của chủ sở hữu để thỏa mãn nhu cầu cá nhân. Do đó cần phải xử lý nghiêm khắc để răn đe, làm gương là cần thiết.

Tuy nhiên trước khi quyết định hình phạt cũng cần cân nhắc xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo để áp dụng hình phạt cho phù hợp với tính chất mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra

[6] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo

- Tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng.
- Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo có 3 tình tiết giảm nhẹ qui định tại Điểm b,i,s khoản 1 Điều 51 BLHS là “ Tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả”; “ Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”; “ Người phạm tội thành khẩn khai báo ăn năn hối cải”. Bị cáo có 1 tình tiết giảm nhẹ qui định tại khoản 2 Điều 51 là:

là tại thời điểm phạm tội là người chưa thành niên; tự nguyện đến cơ quan công an đầu thú; tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi trả cho người bị hại.

- Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự; Ngoài lần phạm tội này không có vi phạm gì khác

Do đó cũng cần xem xét giảm nhẹ 1 phần hình phạt và không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần phạt tù cho hưởng án treo giao bị cáo về cho chính quyền địa phương và gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách là phù hợp với tính nhân đạo của pháp luật Nhà nước

[7] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là người chưa thành niên nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Nguyễn Việt C đã nhận lại chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple, số loại Iphone 6s, màu hồng đã được bị cáo khắc phục sửa chữa, anh C không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Đ là mẹ của bị cáo đã bỏ ra 2.400.000đ (Hai triệu bốn trăm ngàn đồng) để sửa chữa chiếc điện thoại của anh C, bà Đ không yêu cầu bị cáo trả lại, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra xác định chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple, số loại Iphone 6s, màu hồng đã qua sử dụng là tài sản của anh Nguyễn Việt C, nên đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 18 ngày 10/10/2019 trả lại cho anh Nguyễn Việt C là có căn cứ

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[11] Những người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo theo pháp luật qui định

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức N phạm tội “ Trộm cắp tài sản ”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 50; điểm b,i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 90,91,98 của Bộ luật Hình sự 2015. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Đức N: 06** (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (08/05/2020). Tiếp tục thực hiện biện pháp “ Cấm đi khỏi nơi cư trú ” cho đến khi có quyết định thi hành án.

Giao bị cáo về cho UBND xã Ia D, huyện Đ, tỉnh Gia Lai giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự. “ Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 2 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo ”

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo

* Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và

lệ phí Toà án: Buộc bị cáo Nguyễn Đức N phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm để sung Ngân sách Nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay (08/05/2020) Người bào chữa, bị cáo có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đối với những người có quyền kháng cáo, nhưng vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Công an huyện;
- Viện kiểm sát huyện;
- CCTHADS huyện;
- TAND tỉnh;
- Bị cáo;bị hại
- Sở tư pháp;
- CQTHAHS;
- Người bào chữa
- Lưu HS.

NGUYỄN THỊ KIM THOA